

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LƯƠNG TÀI**

-----  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**6 tháng đầu năm 2011 (từ 01/01/2011 đến 30/06/2011)**

**ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA  
NAM - AASCS**

## MỤC LỤC



<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	05 – 08
- Bảng kết quả hoạt động kinh doanh	09 – 09
- Bảng lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 28



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

### **Thông tin pháp lý**

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302879813 đăng ký thay đổi lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 06 năm 2011 (đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2003)

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng công trình dân dụng-công nghiệp-giao thông-thủy lợi-thủy điện-cấp thoát nước. San lấp mặt bằng. Kinh doanh, xây dựng hạ tầng khu công nghiệp. Trang trí nội ngoại thất. Mua bán vật liệu xây dựng. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng, đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế công trình xây dựng giao thông ( cầu, đường). Thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ). Quản lý dự án đầu tư. Tư vấn đầu thầu. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở). Cho thuê máy móc thiết bị thi công. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: máy trộn bê tông, nhựa nóng. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy.

Trụ sở của công ty đặt tại: 76 (Lô đất 55 Khu 1A-1B) Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

### **Kết quả hoạt động**

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2011 là 1.620.304.530VND (6 tháng đầu năm 2010 lợi nhuận sau thuế là 2.321.441.725VND)

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

#### **Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:**

Ông Bùi Đình Hưng	Chủ tịch
Ông Bùi Đình Hải	Phó Chủ tịch
Bà Vũ Thị Thứ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng	Thành viên
Ông Bành Trường Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Như Trục	Thành viên

#### **Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:**

Ông Phạm Thành Trung	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LƯƠNG TÀI**

Địa chỉ: 76 Hoàng Sa, P.Đa Kao, Quận 1

---

Ông Nguyễn Như Trục Phó Tổng Giám đốc

Ông Bùi Đình Hải Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Duy An Kế toán trưởng

### **Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

Bà Huỳnh Thị Thanh Phương Trưởng ban

Ông Nguyễn Thị Bích Quyên Thành viên

Ông Đỗ Khắc Công Thành viên

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được Ban Tổng Giám đốc chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán phù hợp được tuân thủ;
- Không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích trong các báo cáo tài chính này;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà Nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng số phát sinh trong kỳ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty. Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Chương 6 – Công bố thông tin, Nghị định 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ về Chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty

TP.HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2011

**TM. Hội Đồng Quản Trị**

TP.HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2011

**TM. Ban Giám đốc**  
Tổng Giám đốc

Số..... BCKT/TC

Ngày tháng năm 2011.

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁO TÀI CHÍNH**

**BÁO**

**6 tháng đầu năm 2011 (từ 01/01/2011 đến 30/06/2011) của  
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài**

**Kính gửi : - Hội Đồng Quản Trị**

**- Ban Tổng Giám Đốc Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài lập tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc vào ngày trên. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

### **Phạm vi soát xét**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)  
Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn  
Chứng chỉ KTV số 0479/KTV

Lê Kim Ngọc  
Chứng chỉ KTV số 0181/ KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh V.	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>199,474,674,997</b>	<b>120,379,011,294</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7,591,907,073</b>	<b>2,587,853,187</b>
1. Tiền	111	<b>1</b>	7,591,907,073	2,587,853,187
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>79,209,293,276</b>	<b>27,809,873,971</b>
1. Phải thu khách hàng	131	<b>2</b>	20,252,791,511	22,096,767,852
2. Trả trước cho người bán	132	<b>3</b>	4,419,344,158	3,948,887,623
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>4</b>	54,537,157,607	1,764,218,496
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>101,216,913,044</b>	<b>80,770,364,140</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>5</b>	101,686,585,881	81,240,036,977
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	<b>6</b>	(469,672,837)	(469,672,837)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11,456,561,604</b>	<b>9,210,919,996</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>7</b>	72,685,283	996,711,892
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	<b>8</b>	3,921,333,907	3,633,220,345
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	<b>9</b>	719,863,255	719,863,255
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>10</b>	6,742,679,159	3,861,124,504
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>92,737,390,945</b>	<b>76,451,871,697</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>89,367,533,781</b>	<b>73,292,014,533</b>
1. TCSĐ hữu hình	221	<b>11</b>	25,080,160,557	16,228,289,114

- Nguyên giá	222		42,156,332,028	33,529,999,684
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17,076,171,471)	(17,301,710,570)

2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227	<b>12</b>	24,187,088,000	24,187,088,000
- Nguyên giá	228		24,212,088,000	24,212,088,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(25,000,000)	(25,000,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>13</b>	40,100,285,224	32,876,637,419
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2,725,000,000</b>	<b>2,825,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>14</b>	2,725,000,000	2,825,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>644,857,164</b>	<b>334,857,164</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>15</b>	644,857,164	334,857,164
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b><u>292,212,065,942</u></b>	<b><u>196,830,882,991</u></b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh V.	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>115,954,732,299</b>	<b>126,998,763,878</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>83,199,712,743</b>	<b>105,405,945,477</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	<b>16</b>	13,428,837,028	22,607,096,712
2. Phải trả người bán	312	<b>17</b>	36,617,070,606	34,650,900,785
3. Người mua trả tiền trước	313	<b>18</b>	15,174,895,094	10,784,022,078
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	<b>19</b>	2,562,872,939	2,172,771,429
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	<b>20</b>	54,550,000	54,550,000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	<b>21</b>	14,570,326,485	34,345,443,882

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	22	791,160,591	791,160,591
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>32,755,019,556</b>	<b>21,592,818,401</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	23	73,347,251	73,347,251
4. Vay và nợ dài hạn	334	24	32,674,172,305	21,511,971,150
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	25	7,500,000	7,500,000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>176,257,333,643</b>	<b>69,832,119,113</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>176,257,333,643</b>	<b>69,832,119,113</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	26	150,000,000,000	55,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	27	21,856,170,000	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	28	(568,522,890)	(568,522,890)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	29	1,953,238,015	1,953,238,015
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	30	696,453,965	696,453,965
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	31	2,319,994,553	12,250,950,023
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b><u>292,212,065,942</u></b>	<b><u>196,830,882,991</u></b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh V.	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại	1.2		
- USD		615.77	622.72
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 07 năm 2011  
Tổng Giám đốc

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 tháng đầu năm 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh V.	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	40,576,183,316	48,353,561,063
2. Các khoản giảm trừ	03			
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		40,576,183,316	48,353,561,063
4. Giá vốn hàng bán	11	33	30,943,263,869	41,485,261,946
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9,632,919,447	6,868,299,117
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	241,741,390	50,512,265
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	35	3,876,364,631	1,836,748,692
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,876,364,631	1,836,748,692
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	36	2,832,288,660	1,751,819,378
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		3,166,007,546	3,330,243,312
11. Thu nhập khác	31	37	1,711,073,068	
12. Chi phí khác	32	38	2,716,674,574	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1,005,601,506)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2,160,406,040	3,330,243,312
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	540,101,510	1,008,801,587
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1,620,304,530	2,321,441,725
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	291	421

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

### LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính:  
VND

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
1	2	3	4
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CCDV và DT khác	01	55,188,051,649	55,917,817,500
2. Tiền chi trả cho người CC hàng hóa, DV	02	(134,369,444,398)	(60,204,894,484)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1,334,690,000)	(328,081,091)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3,876,364,631)	(1,836,748,692)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(150,000,000)	(183,750,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	75,566,699,556	39,583,192,007
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(94,956,688,697)	(23,544,417,290)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(103,932,436,521)</b>	<b>9,403,117,950</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1,752,608,332)	(87,939,718)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	241,741,390	50,512,265

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1,510,866,942)</b>	<b>(37,427,453)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	116,356,170,000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của các DN đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	113,111,038,183	14,895,884,730
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(107,468,590,834)	(19,854,384,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11,551,260,000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>110,447,357,349</b>	<b>(4,958,499,270)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>5,004,053,886</b>	<b>4,407,191,227</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>2,587,853,187</b>	<b>5,193,368,289</b>
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b><u>7,591,907,073</u></b>	<b><u>9,600,559,516</u></b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 07 năm 2011

Tổng Giám đốc

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302879813 đăng ký thay đổi lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 06 năm 2011 (đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2003)

Trụ sở của công ty đặt tại: 76 (Lô đất 55 Khu 1A-1B) Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

##### **2. Ngành nghề kinh doanh:**

Xây dựng công trình dân dụng-công nghiệp-giao thông-thủy lợi-thủy điện-cấp thoát nước. San lấp mặt bằng. Kinh doanh, xây dựng hạ tầng khu công nghiệp. Trang trí nội ngoại thất. Mua bán vật liệu xây dựng. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng, đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế công trình xây dựng giao thông ( cầu, đường). Thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ). Quản lý dự án đầu tư. Tư vấn đấu thầu. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở). Cho thuê máy móc thiết bị thi công. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: máy trộn bê tông, nhựa nóng. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy.

##### **3. Tổng số nhân viên : 185 người.**

**Trong đó: - Nhân viên trực tiếp sản xuất kinh doanh: 150 người.**

**- Nhân viên quản lý: 35 người.**

##### **4.Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh trong năm**

Không có ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh trong năm.

#### **II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

##### **1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

### **III. Chế độ kế toán áp dụng**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

#### **2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Đơn vị là Nhật Ký Chung.

### **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

#### **1. Nguyên tắc, xác định các khoản tiền (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển):**

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Ngoại thương.

#### **2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

2.2. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

---

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

2.3. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Trong năm, Công ty đã lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### **3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

3.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

3.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo quyết định số 203/2009/QĐ/BTC ngày 20/10/2009.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữ giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

### **7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác**

- Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay: Theo chuẩn mực Kế toán chi phí đi vay.
- Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ.
- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác: không phát sinh.

### **8. Kế toán các hoạt động liên doanh**

Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh dưới hình thức:

- Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài góp vốn vào Công ty Cổ Phần Xây Dựng Địa Ốc Lương Tài là 2.625.000.000đ, và góp vốn vào Công ty Cổ Phần Hoa Lư là 100.000.000đ.

### **9. Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ sau khi trừ các chi phí liên quan.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định Doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng. Trong những trường hợp cụ thể, doanh thu còn được ghi nhận theo tỷ lệ phần trăm hợp đồng đã được hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối Kế toán được Chủ đầu tư xác nhận hoặc theo bảng khối lượng công trình hoàn thành đã được Chủ đầu tư xác nhận, nghiệm thu.

## **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.**

	30/06/11 <u>Ngoại tệ</u>	30/06/11 <u>VND</u>	01/01/11 <u>VND</u>
<b><u>1. Tiền</u></b>	<b><u>USD 615.77</u></b>	<b><u>7,591,907,073</u></b>	<b><u>2,587,853,187</u></b>
<b><u>1.1. Tiền mặt tại quỹ (TK 111)</u></b>		<b><u>7,210,162,817</u></b>	<b><u>161,680,000</u></b>
Tiền VND		7,210,162,817	
<b><u>1.2. Tiền gửi ngân hàng (TK 112)</u></b>	<b><u>USD 615.77</u></b>	<b><u>381,744,256</u></b>	<b><u>2,426,173,187</u></b>
Tiền VND		<u>371,851,260</u>	
<b>Trong đó:</b>			
- Ngân hàng TM CP Quốc Tế Việt Nam - TK số 1236666		66,089,544	
- Ngân hàng TM CP Quốc Tế Việt Nam - TK số 1238888		51,950,386	
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (CN Nam Sài Gòn) - TK số 12404		1,499,807	
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (CN Nam Sài Gòn) - TK số 12176		246,339,046	
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (Chi nhánh Hà Nam)		3,660,940	
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (Chi nhánh Gia Định)		1,636,127	
- Ngân hàng Ngoại Thương TP.HCM		780,115	
- Cty TNHH MTV CK Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín		2,003,621	
<b>Tiền USD</b>	<b><u>USD 615.77</u></b>	<b><u>9,892,996</u></b>	
- Ngân hàng Ngoại Thương TP.HCM	USD 481.46	7,331,374	
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (CN Nam Sài Gòn)	USD 134.31	2,561,622	
 <b><u>Các khoản phải thu ngắn hạn</u></b>			
<b><u>2. Phải thu khách hàng (TK 131)</u></b>		<b><u>20,252,791,511</u></b>	<b><u>22,096,767,852</u></b>
<b>Trong đó:</b>			
- China State Construction Engineering Corporation		553,222,700	553,222,700
- Công ty TNHH Bảo Toàn		360,212,700	
- Công ty CP XD & Địa Oác Lương Tài		131,696,668	131,696,668
- Tổng công ty XDCT giao thông 6		13,755,535,921	17,059,708,482
- Cty CP DV-VT-TM &KTXDCT Huy Hoàng		3,931,233,455	1,931,922,416

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

- Cty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên	500,000,000	500,000,000
- Cty Posco E & C., Ltd	769,809,022	
- Công ty VIC	237,731,547	237,731,547

### **3. Trả trước cho người bán (TK 331)** **4,419,344,158** **3,948,887,623**

Trong đó:

- Cty CP XD & Địa ốc Lương Tài	1,028,753,378	
- Cty CP Khang Gia Bảo	512,048,240	
- Cty CK Ngân Hàng Đông Á	200,000,000	390,000,000
- Cty CP ĐT Cnghe Năng Lượng Việt	379,434,000	
- Cty CP Điện Máy R.E.E	655,813,179	
- Xí Nghiệp Ô Tô Toyota Bến Thành	872,000,000	

Các khoản công nợ trên đều chưa có thư xác nhận đến 30/06/2011.

### **4. Các khoản phải thu khác** **54,537,157,607** **1,764,218,496**

Các khoản phải thu khác (TK 1388) **6,026,357,607** **1,764,218,496**

Trong đó:

Ban dự án tuyển tránh Vĩnh Điện	136,155,750	136,155,750
Tổng công ty XDCT giao thông 6	174,185,881	174,185,881
Đỗ Khắc Công	150,000,000	150,000,000
Huỳnh Thị Thanh Phương	300,000,000	300,000,000
Lê Xuân Anh	200,000,000	200,000,000
Nguyễn Nam	200,000,000	200,000,000
Khánh		
Nguyễn Việt Toàn	200,000,000	200,000,000
Cty TNHH XD & TT Nội Ngoại Thất	2,898,022,111	
Tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (CN Nam Sài Gòn)	1,000,000,000	
- Công ty Mỹ Hưng Tây Nguyên - Công trình Thủy điện Đại Nga	100,000,000	
<u>Các khoản phải thu khác (Nợ TK 3388)</u>	<b><u>48,510,800,000</u></b>	
Bùi Đình Hưng - mua đất 34 Nguyễn Thị Huỳnh	40,000,000,000	
Bùi Đình Hưng - Dự án Lộc An Sinh, Kim Dinh Bà Rịa Vũng Tàu	8,510,800,000	

Các khoản công nợ trên đều chưa có thư xác nhận đến 30/06/2011.

### **5. Hàng tồn kho** **101,686,585,881** **81,240,036,977**

- Nguyên liệu, vật liệu (TK 152)	433,357,707	1,418,852,364
- Chi phí sản xuất dở dang (TK 154)	101,253,228,174	79,821,184,613
+ Biệt thự Hoa Đào	5,803,581,777	5,803,581,777
+ Công an Cần Thơ	2,525,819,586	2,525,819,586

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

+ Công trình Cầu Giẽ Ninh Bình	61,202,638,389	48,007,901,512
+ Công trình Cầu Lâu	568,716,589	568,716,589
+ Cơ sở hạ tầng công an TP Cần Thơ	137,630,845	137,630,845
+ Long Thành : Long Thành		495,252,845
+ Đường D965 (Quốc lộ 51 Càng Cái Mép)	17,988,091,472	15,878,790,507
+ Đóng cừ Larsen - CT Hàng bàng	735,951,062	735,951,062
+ Công trình gói thầu số 2 Hương lộ 2	668,685,545	668,685,545
+ Hà Nội Lào Cai	1,538,036,370	427,443,801
+ Không theo công trình	45,818,182	48,568,482
+ Kênh Nhiêu Lộc Thị Nghè	1,450,869,626	1,450,869,626
+ Khu du lịch nghỉ dưỡng CC Lộc An Xanh	703,451,898	703,451,898
+ Củ Chi Lô số 1A	149,694,355	149,694,355
+ Củ Chi Lô số 2	34,245,761	20,338,280
+ Củ Chi Lô số 3 & 4	446,220,455 (*)	446,220,455
+ Công trình Mỹ Tú - Sóc Trăng	23,452,382 (*)	23,452,382
+ Khu dân cư Nam Quốc Lộ 51, BR-VT	369,333,425	369,333,425
+ TL 280 Lương Tài, Bắc Ninh	208,834	208,834
+ Bình Lợi - Tân Sơn Nhất	6,509,732,079	1,008,223,265
+ Cho thuê xe - Cty Địa Oác Lương Tài	18,062,600	18,062,600
+ Cho thuê xe - Cty Huy Hoàng	12,480,000	12,480,000
+ Cho thuê xe - Cty Tuấn Thành	22,840,000	22,840,000
+ Công trình Vĩnh Điện	297,666,942	297,666,942

(\*) Các công trình dở dang hiện không thực hiện tiếp và đã được lập dự phòng.

Do không tham gia kiểm kê thực tế tại ngày 30/06/2011 nên kiểm toán lấy theo số liệu tại ngày 30/06/2011 trên sổ sách kế toán của đơn vị.

<b>6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (TK 159)</b>	<b>(469,672,837)</b>	<b>(469,672,837)</b>
+ Củ Chi bãi rác số 3&4	(446,220,455)	(446,220,455)
+ Công trình Mỹ Tú - Sóc Trăng	(23,452,382)	(23,452,382)

### Tài sản ngắn hạn khác

<b>7. Chi phí trả trước ngắn hạn (TK 1421)</b>	<b>72,685,283</b>	<b>996,711,892</b>
- Chi phí trả trước công cụ dụng cụ của các công trình	72,685,283	

<b>8. Thuế GTGT được khấu trừ (TK 133)</b>	<b>3,921,333,907</b>	<b>3,633,220,345</b>
--	----------------------	----------------------

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

\* **Ghi chú:** Các số liệu về thuế kiểm toán tạm tính theo số liệu của đơn vị, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

<b><u>9. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước (TK 3338)</u></b>	<b><u>719,863,255</u></b>	<b><u>719,863,255</u></b>
<b><u>10. Tài sản ngắn hạn khác</u></b>	<b><u>6,742,679,159</u></b>	<b><u>3,861,124,504</u></b>
<u>Tam ứng (TK 141)</u>	<u>4,357,372,734</u>	<u>1,475,818,079</u>
- Quỹ công trường Cái Mép - đường Đ65	3,931,169	19,093,172
- Quỹ công trình Cầu Giẽ Ninh Bình	4,353,441,565	1,456,724,907
<u>Thế chấp, ký cược, ký quỹ (TK 144)</u>	<u>2,385,306,425</u>	<u>2,385,306,425</u>
- Bưu điện huyện Tân Thành	3,000,000	3,000,000
- Công ty điện lực Thành Phố	53,909,645	53,909,645
- Tổng công ty XDCT giao thông 6	1,978,396,780	1,978,396,780
- Ngân hàng TMCP Việt Á	350,000,000	350,000,000

**Các khoản công nợ trên đều chưa có thư xác nhận đến 30/06/2011.**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**Tài sản cố định**

Nhóm TSCĐ	11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH					Cộng	12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH		Cộng
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác		Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	
<b>I. Nguyên giá TSCĐ</b>									
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	<b>54,908,634</b>	<b>28,478,971,126</b>	<b>3,525,458,380</b>	<b>1,390,670,635</b>	<b>79,990,909</b>	<b>33,529,999,684</b>	<b>24,187,088,000</b>	<b>25,000,000</b>	<b>24,212,088,000</b>
2. Số tăng trong kỳ	<u>28,181,818</u>	<u>14,085,940,890</u>		<u>15,916,364</u>		<u>14,130,039,072</u>			-
- Mua sắm mới	28,181,818	14,085,940,890		15,916,364		14,130,039,072			
- Tăng do chuyển đổi									
3. Số giảm trong kỳ	-	<u>4,999,840,128</u>	<u>503,866,600</u>			<u>5,503,706,728</u>			-
- Thanh lý		4,999,840,128	503,866,600			5,503,706,728			
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>83,090,452</b>	<b>37,565,071,888</b>	<b>3,021,591,780</b>	<b>1,406,586,999</b>	<b>79,990,909</b>	<b>42,156,332,028</b>	<b>24,187,088,000</b>	<b>25,000,000</b>	<b>24,212,088,000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>									
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	<b>4,204,540</b>	<b>14,710,287,880</b>	<b>1,464,752,213</b>	<b>1,042,475,028</b>	<b>79,990,909</b>	<b>17,301,710,570</b>		<b>25,000,000</b>	<b>25,000,000</b>
2. Số KH trích trong kỳ	5,492,404	2,338,243,303	206,579,047	102,221,301		2,652,536,055	-	-	
3. Số giảm trong kỳ		<u>2,507,173,363</u>	<u>370,901,791</u>			<u>2,878,075,154</u>			
- Thanh lý TSCĐ		2,507,173,363	370,901,791			2,878,075,154			

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>9,696,944</b>	<b>14,541,357,820</b>	<b>1,300,429,469</b>	<b>1,144,696,329</b>	<b>79,990,909</b>	<b>17,076,171,471</b>		<b>25,000,000</b>	<b>25,000,000</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>									
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	<b>50,704,094</b>	<b>13,768,683,246</b>	<b>2,060,706,167</b>	<b>348,195,607</b>		<b>16,177,585,020</b>	<b>24,187,088,000</b>		<b>24,187,088,000</b>
<b>2. Số dư cuối kỳ</b>	<b>73,393,508</b>	<b>23,023,714,068</b>	<b>1,721,162,311</b>	<b>261,890,670</b>		<b>25,080,160,557</b>	<b>24,187,088,000</b>		<b>24,187,088,000</b>

Giá trị quyền sử dụng đất hiện đơn vị đang thi công văn phòng công ty 173 Nguyễn Văn Trỗi .

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

	30/06/11 Ngoại tệ	30/06/11 VND	01/01/11 VND
<b><u>13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (TK 241)</u></b>		<b><u>40,100,285,224</u></b>	<b><u>32,876,637,419</u></b>
- Xây dựng cơ bản dở dang		40,081,573,406	
<i>Trong đó:</i>			
+ Văn phòng công ty 173 Nguyễn Văn Trỗi		39,916,179,556	19,478,640,871
- Sửa chữa lớn TSCĐ		18,711,818	18,711,818
<b><u>14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (TK 222)</u></b>		<b><u>2,725,000,000</u></b>	<b><u>2,825,000,000</u></b>
- Công ty CP XD & Địa Oác Lương Tài		2,625,000,000	2,625,000,000
- Công ty Mỹ Hưng Tây Nguyên - Công trình Thủy điện Đại Nga			100,000,000
- Công ty CP Hoa Lư		100,000,000	100,000,000
<b><u>15. Chi phí trả trước dài hạn (TK 242)</u></b>		<b><u>644,857,164</u></b>	<b><u>334,857,164</u></b>
- Chi phí mua lợi thế thương mại		85,000,000	85,000,000
- Chi phí bảo hiểm, chi phí chờ phân bổ khác...		559,857,164	
<b><u>Nợ ngắn hạn</u></b>			
<b><u>16. Vay ngắn hạn (TK 311)</u></b>		<b><u>13,428,837,028</u></b>	<b><u>22,607,096,712</u></b>
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (CN Nam Sài Gòn)		8,428,837,028	
- Tổng công ty XDCT giao thông 6		5,000,000,000	5,000,000,000
<b><u>17. Phải trả cho người bán (TK 331)</u></b>		<b><u>36,617,070,606</u></b>	<b><u>34,650,900,785</u></b>
<i>Trong đó:</i>			
CN Cty CP XD Nền Móng Jikon		459,813,567	341,798,492
Chi nhánh nhựa đường Sài Gòn		3,669,770,900	5,310,390,800
Cty CP ĐT XD BMT		700,812,943	
Tổng công ty XDCT giao thông 6		18,720,454,662	7,937,906,222
Cty CP DV-VT-TM & KTXDCT Huy Hoàng		1,702,347,467	1,416,485,995
Cty TNHH SX XD TM DV Lộc Thiên		2,327,268,809	
Cty TNHH XD & TT Nội Ngoại Thất		750,459,322	
Cty CP SX TM Tân Phong		598,244,970	
Cty CP Thiên Thanh		525,907,350	
Cty CP Kỹ Thuật Thăng Long		434,882,217	
Cty TNHH XD TM Tài Nguyên		442,836,850	
HTX Vận Tài Dịch Vụ ý Yên		489,028,150	889,028,150

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

<b><u>18. Người mua trả tiền trước (TK 131)</u></b>	<b><u>15,174,895,094</u></b>	<b><u>10,784,022,078</u></b>
<b><u>Trong đó:</u></b>		
- Ban quản lý dự án XDGT Bắc Ninh	1,330,863,459	1,669,136,541
- Ban QLDHDAXD Cầu Giẽ	500,000,000	500,000,000
- Ban QLDAXD đường cao tốc NBLC	5,184,000,000	
- Công ty Cơ khí công trình 623	596,732,522	596,732,522
- CT GS E&C Corp - Thầu TK & XD DA	5,510,081,901	5,510,081,901
- Vũ Thị Thứ	2,304,546,100	2,304,546,100
<b>Các khoản công nợ trên đều chưa có thư xác nhận đến 30/06/2011.</b>		
<b><u>19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (TK 333)</u></b>	<b><u>2,562,872,939</u></b>	<b><u>2,172,771,429</u></b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334)	2,562,872,939	2,172,771,429
* <b>Ghi chú:</b> Các số liệu về thuế kiểm toán tạm tính theo số liệu của đơn vị, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.		
<b><u>20. Chi phí phải trả (TK 335)</u></b>	<b><u>54,550,000</u></b>	<b><u>54,550,000</u></b>
- Chi phí đánh giá tác động môi trường hợp đồng 186/HĐKT	54,550,000	54,550,000
<b><u>21. Các khoản phải trả, phải nộp khác</u></b>	<b><u>14,570,326,485</u></b>	<b><u>34,345,443,882</u></b>
- Kinh phí công đoàn (TK 3382)	73,809,420	57,443,882
- Phải trả, phải nộp khác (TK 3388)		34,288,000,000
- Phải trả, phải nộp khác (Có TK 1388)	14,496,517,065	
<b><u>Trong đó:</u></b>		
+ Bùi Đình Hưng	10,450,000,000	
+ Cty CP DV-VT-TM &KTXDCT Huy Hoàng	3,798,257,565	
+ Đoàn Đắc Chúc	160,989,000	
<b><u>22. Quỹ khen thưởng phúc lợi</u></b>	<b><u>791,160,591</u></b>	<b><u>791,160,591</u></b>
+ Quỹ khen thưởng	233,150,140	233,150,140
+ Quỹ phúc lợi	298,163,478	298,163,478
<b><u>Nợ dài hạn</u></b>		
<b><u>23. Phải trả dài hạn khác</u></b>	<b><u>73,347,251</u></b>	<b><u>73,347,251</u></b>
Nhận lý quỹ, ký cược dài hạn (TK 344)	73,347,251	73,347,251

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

- Công ty CP DV Bảo Vệ - TV - TK - XD - KD Địa	73,347,251	73,347,251
<b><u>24. Vay và nợ dài hạn (TK 341)</u></b>	<b><u>32,674,172,305</u></b>	<b><u>21,511,971,150</u></b>
- Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam (Sở giao dịch II)	32,674,172,305	15,416,189,543
<b><u>25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm (TK 351)</u></b>	<b><u>7,500,000</u></b>	<b><u>7,500,000</u></b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
A	26	27	28	31	29	30
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>55,500,000,000</b>	-	<b>(568,522,890)</b>	<b>4,057,434,346</b>	<b>1,293,495,980</b>	<b>366,582,948</b>
Tăng vốn trong năm 2010						
Lãi trong năm 2010				9,659,277,939		
Trích quỹ đầu tư phát triển				(659,742,035)	659,742,035	
Trích quỹ dự phòng tài chính				(329,871,017)		329,871,017
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi				(329,871,017)		
Thuế thu nhập cá nhân						
Tăng khác						
Giảm khác				(146,278,193)		
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>55,500,000,000</b>	-	<b>(568,522,890)</b>	<b>12,250,950,023</b>	<b>1,953,238,015</b>	<b>696,453,965</b>
Tăng vốn trong kỳ	94,500,000,000	21,856,170,000				
Lãi trong kỳ				1,620,304,530		
Trích quỹ đầu tư phát triển						

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Trích quỹ dự phòng tài chính						
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						
Chia cổ tức				(11,551,260,000)		
Tăng khác						
Giảm khác						
<b>Số dư tại 30/06/2011</b>	<b>150,000,000,000</b>	<b>21,856,170,000</b>	<b>(568,522,890)</b>	<b>2,319,994,553</b>	<b>1,953,238,015</b>	<b>696,453,965</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>30/06/11</b>	<b>Tỷ lệ</b>
- Vốn đầu tư của nhà nước	330,000	3,300,000,000	2.20%
- Vốn góp của các đối tượng khác	14,630,000	146,300,000,000	97.53%
- Cổ phiếu ngân quỹ	40,000	400,000,000	0.27%
<b>Cộng</b>	<b>15,000,000</b>	<b>150,000,000,000</b>	<b>100%</b>

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)*

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
<b><u>32. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511)</u></b>	<b><u>40,576,183,316</u></b>	<b><u>48,353,561,063</u></b>
Doanh thu bán hàng hóa	327,466,091	
Doanh thu xây dựng công trình	40,248,717,225	
<b><u>33. Giá vốn hàng bán (TK 632)</u></b>	<b><u>30,943,263,869</u></b>	<b><u>41,485,261,946</u></b>
<b><u>34. Doanh thu hoạt động tài chính (TK 515)</u></b>	<b><u>241,741,390</u></b>	<b><u>50,512,265</u></b>
- Lãi ngân hàng	241,741,390	
<b><u>35. Chi phí hoạt động tài chính (TK 635)</u></b>	<b><u>3,876,364,631</u></b>	<b><u>1,836,748,692</u></b>
- Chi phí lãi vay	3,876,364,631	
<b><u>36. Chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642)</u></b>	<b><u>2,832,288,660</u></b>	<b><u>1,751,819,378</u></b>
- Chi phí nhân viên quản lý (TK 6421)	434,082,000	
- Chi phí vật liệu quản lý (TK 6422)	107,466,626	
- Chi phí đồ dùng văn phòng (TK 6423)	4,470,545	
- Chi phí khấu hao TSCĐ (TK 6424)	203,772,342	
- Thuế, phí và lệ phí (TK 6425)	42,582,409	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (TK 6427)	444,713,507	
- Chi phí bằng tiền khác (TK 6428)	1,595,201,231	
<b><u>37. Thu nhập khác (TK 711)</u></b>	<b><u>1,711,073,068</u></b>	
- Thanh lý cần trục bánh xích Kobelco - Cty Hiệp Phúc Thành	454,545,455	
- Thanh lý cầu bánh xích IHI - Công ty Trường Lộc	545,454,545	
- Thanh lý bộ đầu khoan thủy lực R6G và phụ kiện - Công ty Trường Lộc	590,909,091	
- Thanh lý xe Toyota Corolla Altis 1.8L - Cty Vạn Hi	120,000,000	
- Khác	163,977	
<b><u>38. Chi phí khác (TK 811)</u></b>	<b><u>2,716,674,574</u></b>	
- Thanh lý TSCĐ	2,716,673,574	
- Khác	1,000	
<b><u>39. Chi phí thuế TNDN hiện hành</u></b>	<b><u>540,101,510</u></b>	<b><u>1,008,801,587</u></b>
a. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = 2.160.406.040		
- Doanh nghiệp tạm trích chi phí thuế TNDN hiện hành (25% x		

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

a)

<b><u>40. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (= c/d)</u></b>		<b><u>291</u></b>	<b><u>421</u></b>
a. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,160,406,040		
b. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	540,101,510		
c. Lợi nhuận sau thuế TNDN (a-b)	1,620,304,530		
d. Số cổ phiếu đang lưu hành (5.602.500 - 40.000 )	<u>5,562,500</u>		
Số cổ phiếu bình quân (5.550.000 x 180 + 9.450.000)/180	5,602,500		
Số cổ phiếu quỹ	40,000		

### VI. Những thông tin khác.

#### 1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán AASCS.

Ngày 15 tháng 07 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc